TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T1** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 37/2020/HS-ST Ngày 29/7/2020	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mã Siêu.

Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Sớm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2020/HSST ngày 06 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định xét xử số 39/2020/QĐXXST-HS ngày 16/7/2020 đối với các bị cáo:

1. Tô Văn Th, sinh năm 1985. Nơi sinh: Thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T; nơi cư trú: Tổ dân phố số x, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; con ông Tô Thanh H và bà Phạm Thị Đ; có vợ là Đỗ Thị Diệu Th2 và 01 con sinh năm 2008; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 24/4/2020 đến nay, bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn N, sinh năm 1976. Nơi sinh: Thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T; nơi cư trú: Tổ dân phố số y, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Minh H1 và bà Phạm Thị Ng; có vợ là Nguyễn Thị X và 01 con sinh năm 2002; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Từ năm 1999 đến 2001 tham gia nghĩa vụ quân sự, sau xuất ngũ về địa phương. Bản án số 41/2016/HSST ngày 24/6/2016, Tòa án nhân dân huyện T1 xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bản án này bị cáo đã được xóa án tích; bị bắt tạm giam từ ngày 24/4/2020 đến nay, bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

3. Hoàng Minh Th1, sinh năm 1984. Nơi sinh: Thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T; nơi cư trú: Thôn Đ, xã TG, huyện T1, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; con ông Hoàng Minh Nh và bà Nguyễn Thị R; có vợ là Nguyễn Thị X1 và 01 con sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/9/2005 bị Công an Quận HK, thành phố HN xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công

cộng; bị bắt tạm giam từ ngày 24/4/2020 đến nay, bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

***- Bị hại*:**

Anh Mai Văn H2, sinh năm 1971, trú tại Tổ dân phố HP, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T (vắng mặt).

***- Người làm chứng*:**

Anh Nguyễn Ngọc Th3, sinh năm 1979, trú tại thôn LTN; anh Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1971, trú tại thôn ĐH, đều thuộc xã TN, huyện T1, tỉnh T (anh Th3, anh Ph vắng mặt).

Chị Đỗ Thị Diệu Th2, sinh năm 1972, trú tại Tổ dân phố số 2, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lương Hải Th4, sinh năm 1982; trú tại thôn NLĐ, xã ĐL, huyện T1.

Anh Nguyễn Phú C, sinh năm 1969; trú tại tổ x, Phường ĐT, thành phố T, tỉnh T.

(anh Th4, anh C đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 22/4/2020, anh Mai Văn H2 thả 05 con bò gồm 02 bò mẹ và 03 con bê (bò con) tại khu vực bờ mương thủy lợi, gần đường VT, thị trấn T1. Đến khoảng 18 giờ ngày 22/4/2020, Hoàng Minh Th1 điều kH2 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Airblade không biển kiểm soát chở N và Th đi chơi về đến khu vực cổng Trường trung học cơ sở 14/10, thuộc địa phận Tổ dân phố số x, thị trấn T1 thì phát hiện 01 con bê cao 0,75m, dài 1,1m, nặng 100kg, lông màu vàng nâu của anh Mai Văn H2 đang ăn cỏ tại vệ đường không có người trông coi nên Th bảo Th1 và N dừng xe để bắt con bê bán lấy tiền, Th1 và N đồng ý. Khi bắt được con bê, Th nhặt 01 đoạn dây điện ở đường buộc vào cổ và mõm con bê để dắt đi. Th1 và Th dắt con bê đi theo đường vành đai ra nghĩa trang TS, qua chợ TH1 ra khu HT và đi ra cánh đồng xã TN mục đích là dắt con bê đến nhà chú vợ Th ở ĐT để bán. Khi đi đến đường đất, do xe mô tô không vào được nên Th và Th1 dắt bò còn N đi xe mô tô theo hướng đường đá và hẹn gặp nhau ở khu vực nhà máy nước khoáng ở xã TN. Khoảng 18giờ 15 phút, anh H2 lùa đàn bò về chuồng thì phát hiện kẻ gian trộm cắp 01 con bê lông màu vàng nâu nên gọi điện cho người quen là anh Nguyễn Ngọc Th3 dặn nếu có ai dắt bê đi qua hoặc gạ bán thì thông báo cho anh H2. Khoảng 20 giờ, thấy Th và Th1 dắt bê đi qua khu vực trước cửa nhà, anh Th3 cùng ba người bạn trong đó có anh Phước giữ Th, Th1 và con bê lại đồng thời báo cho anh H2 đến kiểm tra. Xác định con bê đang giữ tại nhà anh Th3 là con bê nhà mình bị mất, anh H2 đã trình báo Công an huyện T1.

Tiến hành khám xét chỗ ở của Tô Văn Th, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu được tại ngăn dưới tủ quần áo trong phòng trọ của Th 01 túi nilon màu trắng, bên trong túi nilon có 04 gói nhỏ được gói bằng giấy trắng bên trong đều chứa chất bột dạng cục màu trắng. Quá trình điều tra Tô Văn Th khai nhận 04 gói nhỏ được gói bằng giấy

trắng bên trong đều chứa chất bột dạng cục màu trắng là ma túy của Th mua về với mục đích sử dụng cho bản thân.

Bản kết luận định giá tài sản số 05 ngày 23/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T1 xác định: 01 con bê cao 0,75m, dài 1,1m, nặng 100kg trị giá 9.000.000 đồng.

Bản kết luận giám định số 101/KLGĐ-PC09 ngày 28/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh T xác định: Tại thời điểm giám định xe mô tô gửi giám định nhãn hiệu HONDA Airblade, sơn màu đen không đeo biển kiểm soát: Hàng chữ, chữ số xyz đóng trên khung xe không bị tẩy xóa, sửa chữa đục lại. Hàng chữ, chữ số xyz đóng trên thân máy không bị tẩy xóa, sửa chữa đục lại.

Bản kết luận giám định số 144/KLGĐ-PC09 ngày 28/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh T xác định: Mẫu vật gửi giám định là ma túy loại Hêrôin có khối lượng 0,2319 gam.

Trong quá trình điều tra các bị cáo: Tô Văn Th, Nguyễn Văn N và Hoàng Minh Th1 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Lời khai của những người làm chứng:

Anh Nguyễn Ngọc Th3, anh Nguyễn Hữu Ph trình bày: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 22/4/2020 khi các anh đang ở nhà anh Th3 thì anh Th3 nhận được điện thoại của anh Mai Văn H2 báo mất bê và dặn gặp ai dắt bê đi qua thì giữ lại. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì các anh thấy hai thanh niên dắt bê đi qua thì giữ lại, đồng thời gọi cho anh H2 đến, anh H2 đến nhận ra là bê của mình nên các anh đã giữ người và bê tại nhà anh Th3, gọi điện và chờ Công an đến giải quyết, trong quá trình chờ thì 01 thanh niên chạy thoát.

Chị Đỗ Thị Diệu Th2 trình bày: Ngày 24/4/2020, Cơ quan điều tra Công an huyện T1 thi hành lệnh khám xét chỗ ở của chồng chị là Tô Văn Th. Quá trình khám xét, thu giữ tại ngăn dưới tủ quần áo một túi nilon màu trắng, bên trong túi nilon có 04 gói nhỏ bên ngoài gói bằng giấy trắng, bên trong 04 gói đều chứa chất bột màu trắng. Chị nghe thấy anh Th khai nhận đó là ma túy của anh Th mua về mục đích sử dụng cho bản thân. Công an đã lập biên bản niêm phong số ma túy của anh Th trong phong bì thư dán kín, có chữ ký, chữ viết giáp lai của chị cùng các thành phần tham gia niêm phong.

Tại Cáo trạng số 40/CT-VKSTH ngày 06/7/2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T quyết định truy tố Tô Văn Th về các tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Văn N, Hoàng Minh Th1 về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Tô Văn Th phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng

hình sự 2015. Xử phạt bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Tuyên bố bị cáo Tô Văn Th phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Xử phạt bị cáo từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội đối với bị cáo.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Xử phạt bị cáo từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Tuyên bố bị cáo Hoàng Minh Th1 phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra, vị đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý về vật chứng và án phí.

Các bị cáo đồng ý với tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều khai nhận: Khoảng 18h00' ngày 22/4/2020 lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản Tô Văn Th, Nguyễn Văn N, Hoàng Minh Th1 đã cùng nhau trộm cắp 01 con bê trị giá 9.000.000 đồng của anh Mai Văn H2 đang ăn cỏ tại khu đất trống cạnh trường Trung học cơ sở 14/10 thuộc địa phận tổ dân phố số 2, thị trấn T1, huyện T1. Tiến hành khám xét nơi ở của Tô Văn Th tại Tổ dân phố 2, thị trấn T1, huyện T1, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 phát hiện thu giữ 0,2319 gam ma túy loại Hêrôin được gói bằng giấy trắng đựng trong 01 túi nilon cất giấu tại tủ quần áo trong phòng trọ của gia đình, mục đích tàng trữ để sử dụng cho bản thân.

[2.1] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp và được chứng minh bằng: Đơn trình báo và lời khai của người bị hại là anh Mai Văn H2; Sơ đồ hiện trường, biên

bản khám nghiệm hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do Công an huyện T1 lập cùng ngày 23/4/2020; Biên bản khám xét do Cơ quan cảnh sát điều tra-Công an huyện T1 lập ngày 24/4/2020; Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, biên bản niêm phong đồ vật tài liệu bị tạm giữ do Công an huyện T1 lập ngày 23 và 24/4/2020; Bản kết luận định giá tài sản số 05 ngày 23/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T1; Bản kết luận giám định số 101, 144 cùng ngày 28/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh T; Biên bản đối chất do Cơ quan cảnh sát điều tra-Công an huyện T1 lập ngày 12/6/2020; Lời khai của những người làm chứng là anh Nguyễn Ngọc Th3, anh Nguyễn Hữu Ph, chị Đỗ Thị Diệu Th2; Lời khai của người liên quan là anh Lương Hải Th4, anh Nguyễn Phú C và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Như vậy, ngày 22/4/2020, các bị cáo Th, N, Th1 đã có hành vi trộm cắp của anh Mai Văn H2 01 con bê, trị giá 9.000.000 đồng; ngoài ra khám xét nơi ở của bị cáo Th Cơ quan điều tra phát hiện thu giữ 0,2319 gam ma túy loại Hêrôin được gói bằng giấy trắng đựng trong 01 túi nilon cất giấu tại tủ quần áo trong phòng trọ của gia đình, mục đích tàng trữ để sử dụng cho bản thân. Hành vi của các bị cáo Th, N, Th1 đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; hành vi cất giấu tại nhà 04 gói ma túy của bị cáo Th đã cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T quyết định truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 đối với bị cáo Th là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173: Tội trộm cắp tài sản quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Điều 249: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo đã có hành vi lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản; riêng bị cáo Th là người sử dụng ma túy, biết tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người đồng thời là nguyên nhân gây ra nhiều tệ nạn khác cho xã hội nhưng vẫn tàng trữ ma túy mục đích để sử dụng cho bản thân . Hành vi của các bị

cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác; vi phạm chế độ quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong nhân dân. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra để giáo dục riêng với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo tự nguyện tiếp nhận ý chí của nhau, tuy nhiên, Th là người khởi xướng nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác; bị cáo N có nhân thân xấu và có ít tình tiết giảm nhẹ hơn nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo Th1.

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Tô Văn Th, Nguyễn Văn N đều thành khẩn khai báo, người bị hại có đơn xin miễn giảm trách nhiệm hình sự, bị cáo N từng tham gia quân đội nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Hoàng Minh Th1 thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại có đơn xin miễn giảm trách nhiệm hình sự, bố đẻ là thương binh nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung, xét thấy các bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, người bị hại đã nhận lại được tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường trách nhiệm nên không đặt ra giải quyết.

[5] Trong vụ án này: Quá trình điều tra Tô Văn Th khai 04 gói ma túy thu giữ tại chỗ ở của Th là do Th mua của Lương Hải Th4. Cơ quan điều tra đã lấy lời khai của Th4, cho Th và Th4 đối chất nhưng Th4 đều không khai nhận việc bán ma túy cho Th, Cơ quan điều tra không thu thập thêm được tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh việc mua bán ma túy giữa Th4 và Th nên không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Th4.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Airblade không gắn biển kiểm soát, có số máy xyz, số khung xyz các bị cáo sử dụng khi trộm cắp tài sản, bị cáo Th1 khai đây là xe của Th1 mua của một người đàn ông không quen biết tại khu vực ngã ba tượng đài Thị trấn T1 từ tháng 5/2017 với giá 9.000.000 đồng. Khi mua Th1 không biết xe này do phạm tội mà có. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác minh chủ sở hữu xe là anh Nguyễn Phú C. Anh C bị mất chiếc xe này từ tháng 12/2012 tại khu vực chợ CT, thuộc phường QT, thành phố T. Do vậy Cơ quan điều tra không xử lý đối với Th1 là phù hợp. Trong quá trình điều tra, anh C có đề nghị xin lại chiếc xe trên, bị cáo Th1 tự nguyện trả lại, không có yêu cầu gì do vậy cần trả lại cho anh C chiếc xe máy trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01 đoạn dây cáp mạng vỏ bằng cao su màu vàng nhạt đường kính 0,4cm, dài 1,05m; 01 đoạn dây cáp mạng vỏ bằng cao su màu vàng nhạt được quấn thành thòng lọng chu vi 80cm, đường kính dây 0,4cm và 01 đoạn dây cùng loại dài 2,5m, xác định không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. 01 biển kiểm soát xyz bị cáo Th1 khai nhặt được, xác định không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280 thu giữ của bị cáo Th, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia X01-01 thu giữ của bị cáo Th1, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1202 thu giữ của bị cáo N, xét thấy không phải là vật chứng của vụ án cần trả lại cho các bị cáo.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Tô Văn Th phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* và tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*; các bị cáo Nguyễn Văn N, Hoàng Minh Th1 phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Xử phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Tô Văn Th 10 (mười) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Tô Văn Th 12 (mười hai) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Tô Văn Th phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 22 (hai mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/4/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/4/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Hoàng Minh Th1 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/4/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Trả lại cho anh Nguyễn Phú C, sinh năm 1969; trú tại tổ x, Phường ĐT, thành phố T, tỉnh T 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Airblade không gắn biển kiểm soát, có số máy xyz, số khung xyz.

Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây cáp mạng vỏ bằng cao su màu vàng nhạt đường kính 0,4cm, dài 1,05m; 01 đoạn dây cáp mạng vỏ bằng cao su màu vàng nhạt được quấn thành thòng lọng chu vi 80cm, đường kính dây 0,4cm và 01 đoạn dây cùng loại dài 2,5m. Tịch thu tiêu hủy 01 biển kiểm soát xyz.

Trả lại cho bị cáo Th 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280; trả lại cho bị cáo Th1 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia X01-01; trả lại cho bị cáo N 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1202.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm mô tả chi tiết trong Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/7/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T1)

5. Về án phí:

Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Tô Văn Th, Nguyễn Văn N, Hoàng Minh Th1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 29/7/2020; bị hại là anh Mai Văn H2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Phú C, anh Lương Hải Th4 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- VKSND huyện T1;
- Công an huyện T1;
- Trại tạm giam Công an tỉnh T;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền